

BỔ SUNG MỘT SỐ THỰC VẬT CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BÁT ĐẠI SƠN, HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

NGUYỄN TIỀN HIỆP, PHẠM VĂN THẾ, NGUYỄN SINH KHANG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

L.V. AVERYANOV

Viện Thực vật học Kômarốp, Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga

LỆNH XUÂN CHUNG, NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

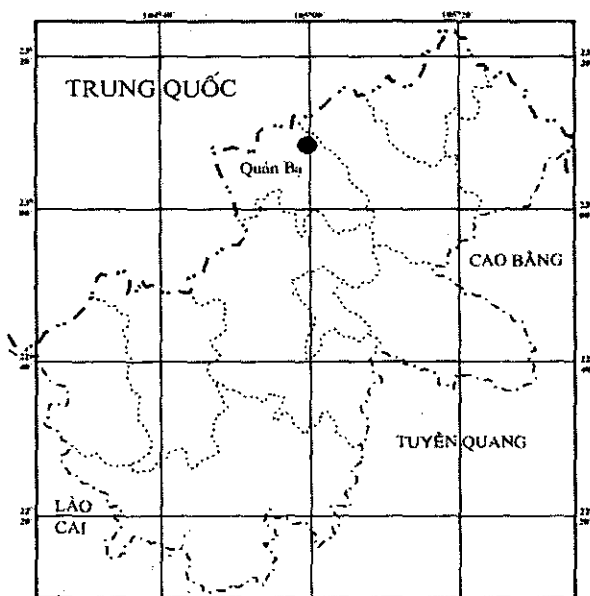
Khu Bảo tồn thiên nhiên Bát Đại Sơn

PHAN KẾ LỘC

Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Xác định các đối tượng thực vật, loài và các quần xã, có giá trị bảo tồn để tổ chức bảo tồn có hiệu quả là một nhiệm vụ rất quan trọng của tất cả các Khu bảo tồn/thiên nhiên (Khu BTTN) và những người làm công việc bảo tồn thực vật. Khu BTTN Bát Đại Sơn được thành lập lúc đầu với tính chất là một Khu bảo tồn một loài Thông độc đáo mới phát hiện được, Bách vàng việt *Xanthocyparis vietnamensis*. Khu BTTN này nằm trong vùng núi đá vôi Đông Bắc, nơi rừng, nhất là các quần xã rừng rậm nguyên sinh cao đỉnh thuần loài Thông trên các đường đỉnh còn tiềm ẩn tính đa dạng thực vật rất cao, và do đó có nhiều triển vọng phát hiện các taxon mới có nguồn gốc tại chỗ, cỏ hay sót lại [10]. Đúng như vậy kết quả của nhiều đợt khảo sát sau đó đã phát hiện thêm những giá trị bảo tồn mới, một số được trình bày trong bài báo này.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



Hình 1: Vị trí của Khu BTTN Bát Đại Sơn

Khu BTTN Bát Đại Sơn rộng hơn 10,5 ngàn ha, có tọa độ địa lý khoảng từ $23^{\circ}04'$ đến $23^{\circ}11'$ độ vĩ Bắc và từ $104^{\circ}54'$ đến $105^{\circ}02'$ độ kinh Đông, có độ cao phần lớn trên 800-1000 m với đỉnh cao nhất là 1645 m, chủ yếu là các dãy núi đá vôi kẹp lẫn một số núi đá phiến sét ở các thung lũng (hình 1).

Nhiệt độ trung bình năm ở độ cao 950 m khoảng $18,5^{\circ}\text{C}$ với 5 tháng (1, 2, 3, 11 và 12) có nhiệt độ trung bình dưới 17° , có tổng lượng mưa trung bình năm khoảng 1700-1900 mm với 4 tháng (1, 2, 3 và 12) khô, có lượng mưa ít hơn 50 mm [9]. Những dẫn liệu đầu tiên về thực vật ở Khu BTTN này [13] cho thấy có nhiều loài Thông lạ như *Xanthocyparis vietnamensis*, *Pseudotsuga sinensis*, *Calocedrus rupestris* và *Taxus chinensis*.

Nghiên cứu này đã nhận được sự tài trợ của Hội Địa lý quốc gia Hoa Kỳ, Chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, Việt Nam, Tổ chức động thực vật quốc tế, Chương trình Việt Nam và Chương trình bảo tồn thực vật Việt Nam.

Từ sau khi phát hiện được một loài Thông lạ [13] nhiều nhà thực vật nổi tiếng đã đến khảo sát kỹ hơn về loài này cũng như về tính đa dạng thực vật nói chung tại Khu BTTN Bát Đại Sơn. Đó là P. Cribb và đồng nghiệp (10-1999), D.K. Harder và đồng nghiệp (04-2000), L. Averyanov và đồng nghiệp (hơn 10 đợt, từ 05-1999 đến nay), A. Farjon và đồng nghiệp (tháng 10-2002). Đúng như dự đoán, sau khi nghiên cứu chỉ mới một số ít mẫu vật các đoàn nghiên cứu thu được đã phát hiện không ít taxon mới hay lý thú, và các kết quả được công bố trong gần 10 bài báo. Một vài taxon không những chỉ là mới cho khoa học ở các bậc loài và chi mà còn đặt ra cả một số vấn đề gay cấn về mặt phân loại học. Sau khi xác định tên tất cả các mẫu vật đều được lưu trữ chủ yếu tại Bộ mẫu thực vật khô của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các loài có giá trị bảo tồn được ghi nhận như sau:

1. *Xanthocyparis vietnamensis* Farjon et Hiep Bách vàng việt. Giá trị bảo tồn lớn nhất của Khu BTTN Bát Đại Sơn vẫn là Bách vàng việt *Xanthocyparis vietnamensis* Farjon et Hiep [5]. Đây là một loài thuộc chi mới cho khoa học, Bách vàng *Xanthocyparis*. Tên gọi này đang gây nhiều tranh cãi về tính ưu tiên, hy vọng sẽ được giải quyết vào Đại hội thực vật học quốc tế sắp tới. Trước đây loài này chỉ mới biết ở Khu BTTN Bát Đại Sơn. Vào năm 2005, theo yêu cầu của Tổ chức động thực vật quốc tế, Chương trình Việt Nam (FFI, Vietnam Programme) chúng tôi đã phát hiện thêm một số quần thể mới cách khoảng 50 km về hướng đông bắc, thuộc hai huyện Mèo Vạc và Đồng Văn [12]. Đó là các quần thể sót lại sau khi bị khai thác gỗ đến cạn kiệt và lửa rừng, nhưng cho thấy trước đây loài này đã từng phân bố rộng ở nhiều vùng núi đá vôi của tỉnh Hà Giang. Do đó các quần thể Bách vàng việt ở Khu BTTN Bát Đại Sơn vẫn là các quần thể được bảo tồn nguyên vẹn nhất trong các quần xã rừng nguyên sinh trên đường đỉnh núi đá vôi. Hiện trạng bảo tồn: Đang bị tuyệt chủng một cách trầm trọng (CR).

2. *Xyloselinum vietnamense* Pimenov et Kljuykov Thìa là hoá gỗ việt. *Xyloselinum* Pimenov et Kljuykov Thìa là hoá gỗ và *X. vietnamense* Pimenov et Kljuykov, chi và loài mới cho khoa học thuộc họ Thìa là Umbelliferae (Apiaceae). Đây là họ phân bố chủ yếu ở vùng ôn đới bắc, do đó hiện nhiên tính đa dạng của họ này ở Việt Nam, cũng giống như các nước nhiệt đới khác không cao. Nhưng không thể cho rằng thành phần loài đã biết đầy đủ. Điều sai lầm là tạo ra suy nghĩ rằng họ này ở Việt Nam không có gì mới, cho nên thường bỏ qua không thu mẫu trong các đợt nghiên cứu khảo sát thực địa. Những phát hiện mới đây (2 loài mới cho khoa học thuộc hai chi *Oenanthe* và *Seseli* thu ở Sơn La và Lai Châu cho thấy những suy nghĩ đó không hoàn toàn đúng, và cho thấy việc kiểm kê tính đa dạng của họ này ở Việt Nam vẫn chưa đầy đủ. Lần này 2 loài mới khác thu tại Hà Giang được mô tả thuộc một taxon bậc chi với các đặc điểm khác hẳn với các chi gần gũi *Ligusticopsis* Leute và *Oreocome* Edgew., do đó đã thành lập một chi mới *Xyloselinum*-Thìa là hoá gỗ với đặc điểm nổi bật nhất là có dạng cây nửa bụi [11]. *Xyloselinum vietnamense* Pimenov et Kljuykov-Thìa là hoá gỗ việt. Mẫu chuẩn của loài này được D.K. Harder et al. DKH 6183 thu ở Bát Đại Sơn; ngoài ra còn gặp ở một điểm lân cận, bản Ngan Chải, xã Lao Và Chải, huyện Yên Minh, cùng tỉnh Hà Giang, trong các điều kiện sống tương tự (CBL 1913). Cây cao 1-2 m (kể cả cụm hoa quả), thường mọc rải rác hay thành đám nhỏ dưới tán rừng thuần loài Thông có ít ánh sáng hay ở chân các tảng đá lộ đầu trên đường đỉnh hay gần đường đỉnh núi đá vôi có độ cao 1000-1500 m; gặp cả ở rừng bị khai thác kiệt. Hiện trạng bảo tồn: Ít bị đe dọa tuyệt chủng/gần bị tuyệt chủng (LR/nt). Cần nói thêm là loài thứ hai thuộc chi mới này, *Xyloselinum leonidii* Pimenov et Kljuykov Thìa là hoá gỗ lêônít được thu ở vùng lân cận, cách khoảng 50 km về hướng đông bắc, bản Lu Lu Phìn, xã Sùng Chải, trong các điều kiện sống tương tự như loài thứ nhất, dưới tán rừng Thông nguyên sinh hay bị khai thác

manh xen lẫn cây lá rộng trên đường đỉnh núi đá vôi (mẫu chuẩn N.T. Hiệp et al. NTH 3314; mẫu khác thu ở cùng chỗ, P.K. Lộc et al. CBL 1828).

3. Cọ cầu đỉnh đôi *Trachycarpus geminisectus* Spanner, Gibbons, V.D. Nguyen et T.P. Anh. Đây là loài thứ 8 của chi *Trachycarpus*, khác tất cả 7 loài đã biết trước đây ở chỗ có lá to với các thùy thành từng đôi rộng nhất, đến 8 cm và thân không cao với gốc lá tồn tại có sợi rất thô [6]. Mẫu chuẩn do Gibbons, Spanner, T.P. Anh và V.D. Nguyen thu ở Bát Đại Sơn, GSAD 01. Gần nhất với *T. princeps* Spanner, Gibbons et S.Y. Chen về sinh dưỡng và cấu trúc hoa. Lần đầu tiên, vào 15-04-1999 chúng tôi đã thu được mẫu của loài này ở Cao Bằng (đường đỉnh núi đá vôi Man Linh, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, CBL 1421, CBL 1422), sau đó nhiều lần ở các xã Cán Tỷ và Bát Đại Sơn, trong địa phận của Khu BTTN Bát Đại Sơn (NTH 3605₄ DKH 5226, HAL 8387) và gần đây cả ở xa hơn về phía tây, tỉnh Sơn La (huyện Mộc Châu, xã Vân Hồ, bản Hù Tạt, quanh toạ độ 20°46'16''B 104°47'44''Đ, độ cao 1200-1350 m, HAL 9354). Cây thường cao 1-3 m, nhưng có khi hơn, đến 6-8 m (mẫu ở Hù Tạt), mọc thành đám vài ba cây dưới rừng Thông thuần loài Thiết sam già bắc-*Pseudotsuga sinensis*, Thông Pà cò-*Pinus kwangtungensis*, Thiết sam bắc-*Tsuga chinensis* hay Bách xanh đá vôi-*Calocedrus rupestris* trên đường đỉnh núi đá vôi hay ở quanh các tảng đá lộ đầu có nhiều ánh sáng, có độ cao 1100-1600 m. Như vậy loài này mọc khá phổ biến ở các vùng núi đá vôi từ Đông Bắc (tây Cao Bằng, Hà Giang) đến Tây Bắc (nam Sơn La). Cây mang nhiều hạt, chín vào tháng 11-12. Hiện trạng bảo tồn: Ít bị đe dọa tuyệt chủng/gần bị tuyệt chủng (LR/nt). Nguy cơ có thể do lai với loài *Trachycarpus fortunei* trồng rải rác ở các làng xóm ở chân núi xung quanh. Dự đoán có thể gặp ở nơi có môi trường sống tương tự ở vùng giáp giới thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

4. Lụi sợi thô-*Guihaia grossifibrosa* (Gagnep.) J. Dransf., Lee et Wei (= *Rhaphis grossifibrosa* Gagnep.). Là loài thứ hai của chi có sự phân bố hẹp hơn nhiều và là yếu tố điển hình của thảm thực vật tại chỗ trên núi đá vôi chủ yếu ở nơi giáp ranh giữa các tỉnh hệ thực vật Nam Trung Quốc và Bắc Đông Dương của dưới xứ Ấn Độ-Mã Lai, xứ Cổ nhiệt đới [1]. Ở Việt Nam gặp ở phía Đông, từ Cao Bằng (CBL 681, CBL 997, VH 2466, CBL 1238, HAL 5655) và Bắc Cạn (HLF 609, HLF 807, HAL 4741, HAL 4982) sang Hà Giang (NTH 3543), Sơn La (NTH 2951) xuống đến Ninh Bình và Thanh Hoá (HAL 929) [1]. Thân thường cao không quá 1-2,5 m, mọc thành bụi vài ba cây, ở độ cao 500-1000 m, dưới tán rừng thuần loại Thông (Thông pà cò và Thiết sam già bắc) hay rừng bị khai thác cây lá rộng trên đường đỉnh núi đá vôi hay phổ biến hơn nơi thảm thực vật thưa hơn, ở vách đá dựng đứng gần đường đỉnh bị bào mòn mạnh. Mối đe dọa tuyệt chủng chính là nạn lửa rừng. Hiện trạng bảo tồn: Ít bị đe dọa tuyệt chủng/gần bị tuyệt chủng (LR/nt).

5. Lan hải henri *Paphiopedilum henryanum* Braem. Lan hải là một trong các đối tượng có giá trị bảo tồn cao nhất của Việt Nam nói chung, của các vùng núi đá vôi ở phía Bắc nói riêng. Lan hải henri-*Paphiopedilum henryanum* được ghi nhận lần đầu tiên mọc hoang dại ở Khu BTTN Bát Đại Sơn đồng thời cho Việt Nam sau đợt khảo sát thực địa của P. Cribb cùng đồng nghiệp vào tháng 10-1999 [3]. Đây là một trong những loài Lan hải có sự phân bố rất hẹp ở đông nam tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và vùng lân cận ở bắc Việt Nam, và chắc chắn là một trong vài loài Lan hải hiếm nhất. Các cuộc khảo sát gần đây ở Vân Nam cho thấy nó đã hoàn toàn bị tuyệt chủng ở những nơi đã từng gặp trước đây [3]. Ở Việt Nam ngoài Khu BTTN Bát Đại Sơn thì mới ghi nhận được ở một điểm khác trong cùng tỉnh. Trong đợt khảo sát vào tháng 5-2007 gần đây chúng tôi thấy Lan hải henri *Paphiopedilum henryanum* đang bị săn tìm ráo riết để xuất khẩu lậu sang Trung Quốc, do đó làm cho tương lai của nó rất mong manh. Nếu Hiện trạng bảo tồn loài này trước đây được xác định là Sắp bị tuyệt chủng (VU) [3] thì ngày nay chắc chắn phải là Đang bị tuyệt chủng một cách trầm trọng (CR). Ở đây cũng có một số loài Lan hải

đã biết từ trước như Lan hài lông-*Paphiopedilum hirsutissimum*, Lan hài xanh-*Paphiopedilum malipoense*, Lan hài mốc-*Paphiopedilum micranthum*, hiện trạng bảo tồn của hai loài sau cũng là CR.

6. Một số loài Lan khác. Ngoài 4 loài Lan hài thì 3 loài thuộc chi Phi công thiên-*Renanthera* (Phi công thiên vàng chanh *R. citrina*, Phi công thiên việt-*R. vietnamensis* và Phi công thiên đỏ-*R. coccinea*) gặp ở Khu BTTN Bát Đại Sơn đã được ghi trong phụ lục I của CITES [2], khoảng 100 loài Lan khác trong phụ lục II. Theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP [4] có 5 loài ở Khu BTTN thuộc nhóm IA- Nhóm nghiêm cấm khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại, và 3 loài thuộc nhóm IIA- Nhóm hạn chế khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại. Hơn 45 loài Lan (1/3 so với tổng số loài ghi nhận được) gặp ở đây được xác định là Bị đe dọa tuyệt chủng, trong đó có 17 loài Đang bị tuyệt chủng (EN). Đáng quan tâm bảo vệ nhất là các loài Phi công thiên vàng chanh-*Renanthera citrina*, Phi công thiên việt-*Renanthera vietnamensis*, Thạch hộc-*Dendrobium* spp., Một lá-*Nervilia* spp. và Cỏ nhung-*Anoectochilus* spp. Không có loài nào được ghi trong Danh lục Đỏ của Tổ chức IUCN [8].

III. KẾT LUẬN

Khu BTTN Bát Đại Sơn chứa đựng nhiều loài và không ít quần xã thực vật có giá trị bảo tồn cao, nhất là trên đường đỉnh núi đá vôi hay ở phần sườn gần đỉnh. Từ khi thành lập cho đến nay Khu BTTN đã đạt được nhiều thành quả trong việc bảo tồn những giá trị quý báu đó. Trong thời gian tới Khu BTTN Bát Đại Sơn cần đẩy mạnh hơn nữa việc ngăn chặn triệt để nạn chặt hạ Thông lấy gỗ củi cũng như nạn săn tìm và buôn bán các loài Lan, nhất là Lan hài để xuất khẩu lậu sang Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Averyanov, L.V., Nguyen Tien Hiep, Phan Ke Loc, 2005: Palms, 49(3): 1-12.
2. CITES, 2005: Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora Electronic database available at <http://www.cites.org>.
3. Vu Van Can, Vu Van Dung, Le Van Cham, 1999: Discovery of a new species of Cupressaceae, *Thuja quanbaensis* sp. nov., from a limestone area in Hagiang province: 12-13. In Le Sau (ed.). Protection and sustainable development of forest and biodiversity in limestone areas of Vietnam. FIPI, Hanoi.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006: Nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
5. Cribb P., L. V. Averyanov, Nguyen T. Hiep, 2000: The Orchid Review, March-April: 124-127.
6. Farjon A., Nguyen Tien Hiep, D. K. Harder, Phan Ke Loc, L. Averyanov, 2002: Novon, 12(2): 179-189.
7. Gibbons M., T. W. Spanner, Nguyen Van Du, Phuong Anh, 2003: Palms, 47(3): 143-148.
8. IUCN, 2001: IUCN Red List Categories and Criteria: Version 3.1. IUCN Species Survival Commission. IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, UK.

9. Phan Kế Lộc, Nguyễn Tiến Hiệp, Jacinto Regalado Jr., Leonid V. Averyanov, 2004: Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống. Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc 2004: 106-164. Nxb KH&KT, Hà Nội.
10. Pimenov M.G., E.V. Kljuykov, 2006: Komarovia, 4: 124-132.
11. Regalado J. C. Jr., Phan Ke Loc, Nguyen Tien Hiep, To Van Thao, L. Averyanov, 2006: The Vietnamese Golden Cypress (*Xanthocyparis vietnamensis*).
12. Phạm Văn Thế, Nguyễn Tiến Hiệp, Tô Văn Thảo, Nguyễn Sinh Khang, L. V. Averyanov, Phan Kế Lộc, 2007: Di truyền học và Ứng dụng, 1: 36-41.
13. Nguyễn Khanh Vân (chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Phan Kế Lộc, Nguyễn Tiến Hiệp, 2000: Các biểu đồ sinh khí hậu Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. www.globaltrees.org/downloads/Xanthocyparis-CSA-final.pdf: Last conservation status assesment (CSA) and conservation action plan (CAP). FFI, Hanoi, accessed 14 Feb 2007.

**ADDITIONAL DATA ON THE PLANTS HAVING
HIGH CONSERVATION VALUE IN BAT DAI SON NATURE RESERVE
(QUAN BA DISTRICT, HA GIANG PROVINCE)**

*Nguyen Tien Hiep, Pham Van The, Nguyen Sinh Khang,
L.V. Averyanov, Lenh Xuan Chung, Nguyen Truong Son, Phan Ke Loc*

SUMMARY

Bat Dai Son Nature Reserve was established in 1999 to protect the newly described and critically endangered species of conifer *Xanthocyparis vietnamensis* and its habitat, the primary closed evergreen conifer submontane forest with the dominance of *Pseudotsuga sinensis*, sometimes of *Pinus kwangtungensis* and *Tsuga chinensis* on top ridges of limestone mountains at the elevation from about 800-1000 m a.s.l. and higher. Botanical explorations after its establishment yielded one genus (*Xyloselinum* Pimenov et Kljuykov, Umbelliferae) and species new to science (*Xyloselinum vietnamense* Pimenov et Kljuykov, Umbelliferae, *Trachycarpus geminisectus* Spanner, Gibbons, V.D. Nguyen et T.P. Anh, Palmae, *Renanthera vietnamensis* Aver., Orchidaceae). There are also new records for the flora of Vietnam, such as *Paphiopedilum henryanum* Braem. and *Guihaia grossifibrosa* (Gagnep.) J. Dransf., Lee et Wei. All of these species are members of shrub and herbaceous storeys of conifer forests. The most threatened species listed as Critically Endangered is *Paphiopedilum henryanum* due to the exhaustive collecting and illegal export to China.